

# THỊ TRƯỜNG NGŨ ĐÔNG

## TÂM ĐIỂM THỊ TRƯỜNG

### Triển vọng tích cực của ngành Điện nước năm 2025

Tốc độ tăng trưởng sản lượng điện dự kiến sẽ tiếp tục tăng. KH thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định 262/QĐ-TTg sẽ góp phần cải thiện ngành Điện phát triển.

Nhu cầu sử dụng điện tăng cao trong quý 4 và đầu năm khi bắt đầu mùa lễ Tết. Ngoài ra, sự gia tăng dân số và quá trình đô thị hóa nhanh chóng thúc đẩy nhu cầu sử dụng điện và nước sạch.

Việc triển khai cung ứng LNG nhanh hơn cho các nhà máy điện khí tự nhiên và LNG tại Việt Nam sẽ giúp giải quyết tình trạng cạn kiệt tại các mỏ khí trong nước.

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

### Xu hướng VN-INDEX ngắn hạn

**VN-Index giảm 6,58 điểm trong phiên 14/01 kết phiên ở mức 1.229,07 điểm.** Thanh khoản tăng 4,09% so với phiên giao dịch ngày 10/01. Khối ngoại tiếp tục bán ròng hơn 70 tỷ đồng trên HOSE.

**Thị trường khả năng tiếp tục giằng co và điều chỉnh trong vùng 1.220-1.240 điểm trong phiên giao dịch ngày 15/01/2025.** VN-Index trải qua phiên giao dịch tiêu cực với dòng tiền yếu ớt. Khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh và không có nỗ lực phục hồi đáng kể khiến tâm lý nhà đầu tư thêm phần thận trọng. Hiện tại, chỉ báo MACD đã cắt xuống dưới ngưỡng 0, điều này cho thấy triển vọng ngắn hạn vẫn còn khá bi quan, kèm theo đó là tâm lý ngại giao dịch vào dịp cận Tết vẫn có thể khiến thị trường giằng co trong biên độ hẹp quanh vùng 1.220 - 1.240 điểm trước khi xác định xu hướng tăng mới.

## ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VNINDEX



Chỉ báo	RSI 14	MFI	MA10	MA20	MA50	MA100
Giá trị	34,87	32,93	1.247,64	1.256,67	1.250,77	1.261,59
Hành động	Quan sát	Quan sát	Quan sát	Quan sát	Quan sát	Quan sát

## CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

# NT2

Khuyến nghị: Theo dõi

TP: 23.500 VND | UPSIDE: +14%

### Chiến lược hành động

**MUA:** NĐT tiếp tục quan sát thị trường, các vị thế mua mới nên chờ tín hiệu trở lại của lực cầu đi kèm giá đóng cửa trên kháng cự.

**BÁN:** NĐT duy trì tỷ trọng hợp lý, xem xét cơ cấu danh mục các mã yếu hơn thị trường chung để bảo vệ lợi nhuận, hạ tỷ trọng danh mục khi VN-Index mất ngưỡng hỗ trợ 1.220 điểm.

## Tổng quan thị trường

Thị trường	Giá trị	%Δ
<b>VN-Index</b>		
Đóng cửa	1.229,07	-0,53
KLCP (triệu CP)	374,58	-27,92
GTGD (tỷ VND)	8.529	-29,62
Khớp lệnh	7.132	-25,35
Thỏa thuận	1.397	-84,16
<b>HNX-Index</b>		
Đóng cửa	218,27	-0,61
KLCP (triệu CP)	32,96	-37,72
GTGD (tỷ VND)	481,4	-58,91
<b>UPCoM</b>		
Đóng cửa	92,12	-0,11
KLCP (triệu CP)	28,56	-13,41
GTGD (tỷ VND)	388,7	-87,76

**Diễn biến TTCK Mỹ:** Trong phiên giao dịch thường kỳ, chỉ số Dow Jones tăng 221,16 điểm, tương đương 0,52%, trong khi S&P 500 tăng 0,11%. Mặt khác, sự sụt giảm của các cổ phiếu công nghệ đã gây áp lực lên Nasdaq và giảm 0,23%.

**Thế giới:** Trong năm 2024, Nhật Bản ghi nhận hơn 10.000 doanh nghiệp phá sản, lần đầu tiên sau 11 năm, trong bối cảnh thiếu hụt lao động và giá hàng hóa nhập khẩu tăng cao do đồng yen mất giá. Đây là kết quả của một cuộc khảo sát công bố ngày 14/1. Theo dữ liệu của công ty nghiên cứu tín dụng Tokyo Shoko Research, trong năm qua, số vụ phá sản doanh nghiệp tăng 15,1% so với năm 2023 lên 10.006 vụ, đánh dấu mức tăng trong năm thứ ba liên tiếp. Trong số này, 10.004 là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tổng nợ phải trả là 2.340 tỷ yen (14,9 tỷ USD), giảm 2,4% so với năm 2023. Xét theo ngành nghề, lĩnh vực dịch vụ, bao gồm nhà hàng, ghi nhận số vụ phá sản cao nhất với 3.329 vụ, tăng 13,2%, lần đầu tiên vượt mốc 3.000 vụ kể từ năm 1990. Tiếp theo là ngành xây dựng, một trong những ngành chịu ảnh hưởng nặng nề nhất do cải cách giờ làm việc, với 1.924 vụ, tăng 13,6%. Số doanh nghiệp phá sản do thiếu hụt lao động tăng mạnh lên kỷ lục 289 vụ, từ 159 vụ.

**Việt Nam:** Theo Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), năm 2024, trước bối cảnh thế giới, khu vực, trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, lạm phát của Việt Nam được kiểm soát ở mức phù hợp để hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế; CPI tháng 12-2024 tăng 2,94% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2024 tăng 3,63% so với năm 2023. Như vậy, lạm phát năm 2024 tại nước ta đã được kiểm soát, vượt mục tiêu Quốc hội giao từ đầu năm. Đây là mức lạm phát phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội ở trong nước, hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, là điểm sáng trong kết quả phát triển kinh tế của Việt Nam năm 2024. TS Nguyễn Ngọc Tuyến, nguyên Viện trưởng Viện Kinh tế - Tài chính (Học viện Tài chính) đưa ra dự báo CPI bình quân năm 2025 so với năm 2024 sẽ tăng ở mức khoảng 4%. Nguyên nhân chính là do những khó khăn từ xung đột địa chính trị trên thế giới có thể bất ổn căng thẳng hơn, điều này sẽ tạo điều kiện cho kinh tế, thương mại phát triển, biến động giá sẽ ít bị tác động tiêu cực hơn. Cùng với đó, kinh tế một số nước phục hồi, xuất khẩu của Việt Nam sẽ có khó khăn hơn, chi phí sản xuất và kinh doanh sẽ lớn và tác động làm tăng giá.

**Tỷ giá USD/VND:** Tỷ giá tự do giảm xuống mức 25.390.

**Dầu:** Theo Sở Giao dịch hàng hóa Việt Nam (MXV), lực mua tiếp tục áp đảo trên thị trường hàng hóa nguyên liệu thế giới trong ngày giao dịch đầu tuần (13/1). Đáng chú ý, nhóm năng lượng tiếp tục dẫn dắt xu hướng khởi sắc toàn thị trường với giá toàn bộ 5 mặt hàng đồng loạt tăng.

**LSS:** Công ty cổ phần Mía đường Lam Sơn thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2023 - 2024 bằng tiền mặt. Theo đó, tỷ lệ thực hiện là 5%/mệnh giá (1 cổ phiếu nhận được 500 đồng). Số tiền mà LSS cần phải chi trả cho lần này là hơn 40 tỷ đồng và được thanh toán vào ngày 15/4. Ngoài ra, LSS còn phát hành hơn 5 triệu cổ phiếu để trả cổ tức, đây là cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Việc phát hành này nhằm mục đích để trả cổ tức năm 2023 - 2024. Tỷ lệ phát hành là 7%, tương ứng với tỷ lệ là 100:7.

**VJC:** Từ ngày 9/1 đến 11/1/2025, đoàn lãnh đạo cấp cao Vietjet đã có chuyến đi thăm Mỹ để gặp gỡ hàng chục đối tác chiến lược đến từ nhiều nơi trên thế giới. Trong đoàn có cả tỷ phú Nguyễn Thị Phương Thảo, Chủ tịch HĐQT Vietjet. Đoàn lãnh đạo đã đến Miami trên chuyến bay đầu tiên của Vietjet tới Mỹ. Theo thông tin từ Vietjet, hãng này đang có những thoả thuận chiến lược với những tập đoàn hàng đầu như Boeing, GE, CFM, Pratt & Whitney, Honeywell... với tổng giá trị gần 50 tỷ USD. Bên cạnh đó các hợp tác trị giá khoảng 14 tỷ USD cũng đang được thảo luận. Bên cạnh đó, Vietjet còn hợp tác với các tập đoàn công nghệ như Microsoft, Amazon Web Service, Apple, Google... Vietjet cũng đang đàm phán với SpaceX của tỷ phú Elon Musk và một số nhà cung cấp giải pháp công nghệ internet trên tàu bay để phục vụ đội máy bay hàng trăm chiếc.

**Chứng khoán thế giới**

Thị trường	Điểm số	%Δ	YTD
SP500	5.842,91	0,11	-0,44
DJIA	42.518,28	0,52	0,30
Nasdaq	19.044,39	-0,23	-1,23
Shanghai	3.240,94	2,54	-0,66
Hang Seng	19.219,78	1,83	-2,06

**Thị trường hàng hóa**

Chỉ số	Giá (USD)	%Δ	YTD
Vàng	2.675,54	0,37	0,65
Dầu WTI	77,94	-1,08	6,58
Dầu Brent	80,23	-0,89	5,70
Than	114,50	0,88	-8,58
Đồng	4,3057	0,07	7,90
Quặng sắt	98,72	0,64	-4,72
Thép	437,77	1,08	-2,12

**Thị trường ngoại tệ**

Chỉ số	Giá (USD)	%Δ	YTD
DXY	109,25	-0,22	-0,03
USD/JPY	157,99	0,47	0,33
USD/CNY	7,3463	0,12	0,08
EUR/USD	1,0300	0,33	0,35
GBP/USD	1,2201	-0,26	-1,44

**Top đột phá khối lượng (tỷ VND)**

Mã CP	Giá trị	Giá	%Δ
NVL	147,88	8,95	-5,69
VPB	200,09	18,15	-0,82
KBC	205,54	28,95	2,48
VHM	215,11	40,00	-
VSC	45,57	16,05	2,56

**Top giá trị giao dịch (tỷ VND)**

Mã CP	Giá trị	Giá	%Δ
FPT	422,43	145,10	-1,69
HDB	267,54	21,15	-2,53
MSN	230,79	63,70	-2,00
VHM	215,11	40,00	-
KBC	205,54	28,95	2,48

# NT2

(HOSE)

<b>Khuyến nghị</b>	<b>Theo dõi</b>
Giá hiện tại (14/01/2025)	<b>20.850</b>
Giá mục tiêu	<b>23.500</b>
Tiềm năng tăng trưởng	<b>14%–16%</b>
Vùng mua	<b>20.200–20.600</b>
<b>Ngưỡng cắt lỗ</b>	<b>&lt;19.400</b>

## LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

**Năm 2024**, NT2 ghi nhận sản lượng điện đạt 2,72 tỷ kWh, tương đương 85% KH năm. Tổng doanh thu đạt 6.093 tỷ đồng, hoàn thành 96% KH năm, nhưng lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 76 tỷ đồng, giảm tới 85% yoy. Do nguồn cung khí giảm mạnh và sự cạnh tranh từ năng lượng tái tạo. Đồng thời, sản lượng điện theo hợp đồng phân bổ (QC) cũng giảm, ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh.

**Tài chính vững mạnh khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ dài hạn:** Tình hình tài chính ổn định: Nợ vay ngắn hạn có xu hướng tăng nhưng vẫn ở mức an toàn với tỷ lệ nợ vay/Vốn CSH đạt 0,35 lần. Ngoài ra NT2 có hơn 2.576 tỷ đồng tiền gửi ngân hàng chiếm hơn 40% tài sản ngắn hạn, giúp doanh thu từ hoạt động tài chính đạt gần 26,7 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu lợi nhuận

**Kỳ vọng sản lượng phục hồi từ mức nền thấp** năm 2023–24, hỗ trợ bởi nhu cầu điện toàn quốc tiếp tục phục hồi 11–13% trong 2025 và duy trì tăng trưởng kép 9,1% trong 2026–30 theo QHĐ 8. Điều này đặc biệt quan trọng khi tăng trưởng nguồn điện đang chậm hơn so với tăng trưởng nhu cầu, cùng với việc năng lực truyền tải từ Nam ra Bắc được cải thiện khi 500kV mạch 3 đi vào hoạt động, hỗ trợ hấp thụ tình trạng thừa nguồn tại khu vực miền Nam

**Từ 2025, NT2 được ưu tiên cấp khí** trong bối cảnh nhà máy vẫn còn hợp đồng bao tiêu khí với GAS trong khi các đối thủ như Phú Mỹ 2.2, Phú Mỹ 3 hết hợp đồng BOT trong 2024–25, không được ưu tiên cấp khí như giai đoạn trước. Chúng tôi kỳ vọng môi trường huy động cho các nhà máy điện sẽ bớt khó khăn hơn, khi tài chính của EVN cải thiện sau những đợt tăng giá điện.

**Dự án:** Kỳ vọng việc bàn giao nhà máy điện khí Phú Mỹ 2.2 (715 MW) cho EVN trong năm 2025 sẽ giải quyết vấn đề thiếu hụt khí đốt tự nhiên ở khu vực Đông Nam Bộ, góp phần cải thiện doanh thu cho NT2

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

NT2 đang tích cực giữ các mốc MA ngắn và dài hạn. Đồng thời các chỉ báo MFI, RSI tích lũy trong vùng mua an toàn. Cần quan sát thêm diễn biến thị trường và dòng tiền để có điểm mua phù hợp.



## Thông tin doanh nghiệp

<b>Phân ngành ICB L2</b>	Điện, nước & xăng dầu
<b>Biến động giá 1Y</b>	18.200–26.080
<b>KLGD BQ 10D (CP)</b>	448.490
<b>Vốn hóa (tỷ đồng)</b>	6.002,22
<b>BVPS</b>	14.293
<b>P/E (lần)</b>	24,16
<b>P/B (lần)</b>	1,44
<b>EPS (VND)</b>	863,14
<b>SL CPLH (triệu CP)</b>	287,88
<b>Tỷ lệ free-float (%)</b>	30,00
<b>Tỷ lệ sở hữu NĐTNN (%)</b>	13,68
<b>ROA (%)</b>	2,69
<b>ROE (%)</b>	6,02

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
Xu hướng ngày	-	Tăng
Xu hướng tuần	-	Tăng
Xu hướng tháng	-	Đi ngang
RSI 14	59,23	Mua
MFI	59,21	Mua
MA10	20,82	Mua
MA20	20,57	Mua
MA50	19,80	Mua
MA100	19,72	Mua

## DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+ / -
<b>Danh mục theo dõi</b>										
1	<b>VPB</b>	Theo dõi	18,8–19,2			22.200	18.000			
2	<b>ACB</b>	Theo dõi	24,6–25,0			28.000	23.600			
3	<b>NLG</b>	Theo dõi	31,8–32,3			38.000	30.400			

### Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua

1	<b>HPG</b>	Nắm giữ	25,6–26,0	25/11/2024	26.000	29.600	24.500			-0,6%
2	<b>KBC</b>	Nắm giữ	27,1–27,6	27/11/2024	27.500	31.500	26.000			5,3%
3	<b>PAN</b>	Nắm giữ	22,2–22,8	10/12/2024	22.450	25.800	21.400			6,7%
4	<b>VGC</b>	Nắm giữ	43,0–44,0	24/12/2024	44.000	54.000	41.500			12,0%
5	<b>BCM</b>	Nắm giữ	67,5–69,5	27/12/2024	68.800	82.300	64.900			1,7%
6	<b>HAG</b>	Nắm giữ	11,8–12,4	30/12/2024	11.800	16.900	11.600			-2,1%
7	<b>PLX</b>	Nắm giữ	37,5–38,2	08/01/2025	37.400	44.700	36.000			6,3%
8	<b>TCB</b>	Nắm giữ	23,5–23,9	09/01/2025	23.750	27.000	22.500			-0,6%
9	<b>VCG</b>	Nắm giữ	17,5–17,8	10/01/2025	18.000	20.900	16.800			3,1%
10	<b>SAB</b>	Nắm giữ	55–55,5	13/01/2025	53.300	64.000	52.600			2,3%
11	<b>BVH</b>	Nắm giữ	48,3–49,3	13/01/2025	49.000	56.000	46.400			3,7%



## DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+ / -
1	BFC	Chốt lời	38-38,8	16/12/2024	38.000	45.500	36.500	25/12/24	41.650	9,6%
2	HAX	Chốt lời	15,9-16,3	18/12/2024	16.350	18.200	15.400	25/12/24	17.750	8,6%
3	DDV	Chốt lời	19,0-19,8	23/12/2024	19.900	23.000	18.400	25/12/24	21.000	5,5%
4	PVT	Chốt lời	27,2-27,6	20/12/2024	27.600	32.300	26.000	26/12/24	28.300	2,5%
5	TNG	Chốt lời	24,7-25,0	02/12/2024	24.900	28.500	23.700	27/12/24	26.300	5,6%
6	DHC	Chốt lời	35,0-35,6	23/12/2024	36.000	40.000	33.500	30/12/24	38.350	6,5%
7	MSN	Cắt lỗ	70,4-71,5	11/11/2024	71.300	79.000	67.400	31/12/24	70.800	-0,7%
8	PDR	Chốt lời	20,6-21,0	20/11/2024	19.900	24.000	19.800	31/12/24	20.950	5,3%
9	CTG	Chốt lời	33,2-33,7	21/11/2024	33.600	36.800	31.900	31/12/24	38.700	15,2%
10	VNM	Cắt lỗ	63,3-64,0	26/11/2024	64.400	72.200	60.500	31/12/24	63.800	-0,9%
11	VHC	Chốt lời	72,6-73,4	21/11/2024	70.500	82.500	69.400	03/01/25	71.900	2,0%
12	CTD	Chốt lời	64,8-66,0	03/12/2024	65.500	75.000	62.100	03/01/25	69.900	6,7%
13	PNJ	Chốt lời	92,8-93,5	04/12/2024	93.500	108.000	88.600	03/01/25	97.900	4,7%
14	REE	Chốt lời	65,0-66,3	17/12/2024	66.000	73.000	62.300	03/01/25	67.300	2,0%
15	MWG	Cắt lỗ	60,0-61,0	25/12/2024	61.300	80.000	57.500	03/01/25	60.700	-1,0%
16	MSB	Chốt lời	11,2-11,5	25/12/2024	11.300	13.000	10.850	03/01/25	11.550	2,2%
17	DGC	Chốt lời	106-108	06/11/2024	107.400	124.000	103.000	06/01/25	116.000	7,5%
18	DBC	Chốt lời	26,6-27,0	17/12/2024	26.800	30.500	25.500	06/01/25	27.950	3,5%
19	IDC	Chốt lời	55,6-56,5	18/12/2024	56.200	64.500	53.100	06/01/25	55.400	-1,6%
20	CTR	Chốt lời	122-125,5	30/12/2024	122.000	145.000	117.700	10/01/25	127.500	4,2%

Email: [research@lpbs.com.vn](mailto:research@lpbs.com.vn)

Website: [Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán LPBank \(lpbs.com.vn\)](http://www.CongTyCoPhanChungKhoanLPBank(lpbs.com.vn))

Mở tài khoản LPBS tại:



### Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê tại báo cáo này được LPBS lập dựa trên nguồn thông tin chính thống và đáng tin cậy tại thời điểm LPBS phát hành báo cáo. Báo cáo được lập với mục đích cung cấp thông tin khái quát về thị trường, dự báo và cảnh báo được sử dụng làm thông tin tham khảo trong nội bộ LPBS và thông tin tham khảo cho nhà đầu tư.

Các ý kiến tại báo cáo được đưa ra sau khi đã được cẩn thận xem xét kỹ càng dựa trên những thông tin mà cá nhân chúng tôi đánh giá là tốt nhất tại thời điểm thu nhập được. Báo cáo này có giá trị tham khảo và không nên được giải như một lời đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. LPBS được miễn trừ trách nhiệm đối với thiệt hại hoặc sự kiện bị coi là thiệt hại do sử dụng nội dung trong báo cáo này.

Bản quyền báo cáo thuộc về LPBS, mọi hành vi trích dẫn, sao chép, sửa đổi, phát hành báo cáo là vi phạm bản quyền nếu chưa được sự đồng ý bằng văn bản của LPBS.